

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim

CRESCCELL

Calcium (dưới dạng calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg
tương đương với Colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU

Ca + D3




Ca + D3

THE BOX IS SUITABLE FOR RECYCLING
open

CRESCCELL

Thành phần: Mỗi viên chứa
Calcium (dưới dạng calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg
tương đương với Colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU
Tá dược:vừa đủ 1 viên nén bao phim
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo
Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

MEDIPLANTEX

SDK/ Reg.No:.....

Box of 3 blisters x 10 film-coated tablets

CRESCCELL

Calcium (as calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
Vitamin D3 (as Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg
equivalent to colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU

Ca + D3




Ca + D3

CRESCCELL

open

CRESCCELL

ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

DÙNG THEO LIỀU CHỈ ĐỊNH

LOT Số lô SX/ Lot.No:
Ngày SX/ Mfg:
Hạn dùng/ Exp:

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
358 đường Giải Phóng, Q. Phương Liệt, P.Thanh Xuân, TP. Hà Nội
SX tại: Nhà máy dược phẩm số 2, Thôn Trung Hậu, Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

Ngày 3 tháng 4 năm 2024



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiên Phong

THIS BOX IS SUITABLE FOR RECYCLING

CRESCCELL

Ca + D3

open ←

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim

CRESCCELL

Calcium (dưới dạng calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
 Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg tương đương với Colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU

Ca + D3

Mp MEDIPLANTEX

Hộp 100 viên

CRESCCELL

DÙNG THEO LIỀU CHỈ ĐỊNH

**ĐỀ XA TÀM TAY TRẺ EM.
 ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC
 KHI DÙNG.**

Thành phần: Mỗi viên chứa
 Calcium (dưới dạng calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
 Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg tương đương với Colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU
 Tá dược.....vừa đủ 1 viên nén bao phim

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Box of 10 blisters x 10 film-coated tablets

CRESCCELL

Calcium (as calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
 Vitamin D3 (as Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg equivalent to colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU

Ca + D3

Mp MEDIPLANTEX

Ca + D3

CRESCCELL

→ open

CRESCCELL

Indication, administration, contra- indication and other information: See the leaflet enclosed

Storage: Store in a dry place, protect from light, below 30°C

Specification: Manufacturer's
 Keep out of reach of children
 Read carefully direction before use

Mp MEDIPLANTEX

SDK/ Reg.No:.....

LOT/ Số lô SX/ Lot.No:
Ngày SX/ Mfg:
Hạn dùng/ Exp:

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
 358 đường Giải Phóng, Q. Phương Liệt, P.Thanh Xuân, TP. Hà Nội
 SX tại: Nhà máy dược phẩm số 2, Thôn Trung Hậu, Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

Ngày 3 tháng 4 năm 2024 *TC*

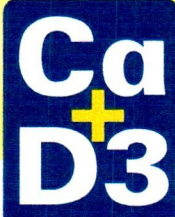




PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiên Phong

Hộp 6 vỉ x 10 viên nén bao phim

CRESCCELL

Calcium (dưới dạng calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg tương đương với Colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU

open ←

CRESCCELL

DÙNG THEO LIỆU CHỈ ĐỊNH

ĐỀ XA TÀM TAY TRẺ EM.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

Thành phần: Mỗi viên chứa
Calcium (dưới dạng calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg tương đương với Colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU
Tá được.....vừa đủ 1 viên nén bao phim

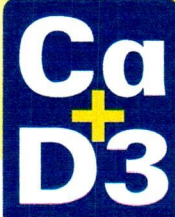




Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác: Xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS
Bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Box of 6 blisters x 10 film-coated tablets

CRESCCELL


Calcium (as calcium carbonat 1500 mg) 600 mg
Vitamin D3 (as Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg equivalent to colecalciferol 12,5 mcg) 500 IU




open →

CRESCCELL

Indication, administration, contra- indication and other information: See the leaflet enclosed
Storage: Store in a dry place, protect from light, below 30°C
Specification: Manufacturer's
Keep out of reach of children
Read carefully direction before use



SDK/ Reg.No:.....

 Số lô SX/ Lot.No:
 Ngày SX/ Mfg:
 Hạn dùng/ Exp:

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
 358 đường Giải Phóng, Q. Phương Liệt, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
 SX tại: Nhà máy dược phẩm số 2, Thôn Trung Hậu, Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội

Ngày 3 tháng 4 năm 2024



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiên Phong

Vỉ 10 viên (PVC-PVDC/Alu)



Ngày 3 tháng 4 năm 2024



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiên Phong

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

CRESCCELL

Để xa tâm tay của trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Thành phần công thức:

Mỗi 1 viên có chứa:

Thành phần dược chất: Calcium (dưới dạng calcium carbonat 1500 mg).....600 mg

Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 SD/S PH 5mg tương đương colecalciferol 12,5 mcg)...500 IU

Thành phần tá dược:

Tá dược của Dry Vitamin D3 100 SD/S PH: Sucrose, sodium ascorbate crystalline, medium chain triglycerides, silicon dioxide, dl-alpha-tocopherol, modified food starch

Tá dược của viên: Hydroxypropyl cellulose, tween 80, natri starch glycolat, talc, magnesi stearat, aerosil, HPMC E6, PEG 6000, titan dioxyd vừa đủ 1 viên.

Dạng bào chế: Viên nén bao phim

Mô tả dạng bào chế: Viên nén dài bao phim màu trắng, 2 mặt lõm, tròn, thành và cạnh viên lành lặn.

Chỉ định:

- Duy trì/hỗ trợ sức khỏe xương/sức khỏe cơ bắp.
- Hỗ trợ phát triển/tăng trưởng/xây dựng xương khỏe mạnh.
- Duy trì/hỗ trợ lượng calci/vitamin D trong cơ thể.
- Giúp tăng cường/thúc đẩy/tăng hấp thu calci từ chế độ ăn.
- Vitamin D giúp hấp thu calci và chế độ ăn thiếu calci có thể dẫn đến chứng loãng xương trong cuộc sống sau này. Calci có thể giúp ngăn ngừa loãng xương khi chế độ dinh dưỡng không đủ.
- Duy trì/hỗ trợ thai kỳ khỏe mạnh.

Cách dùng và liều dùng:

Trẻ em (6-9 tuổi): Liều khuyến cáo 1 viên mỗi ngày.

Từ 10 tuổi trở lên và người lớn (bao gồm phụ nữ mang thai hoặc cho con bú): Liều khuyến cáo 1-2 viên mỗi ngày, hoặc theo chỉ dẫn của bác sỹ.

Cách dùng: uống trong vòng 1 giờ rưỡi sau bữa ăn với một cốc nước hoặc nước trái cây, không nhai nát.

Chống chỉ định:

- Các trường hợp tăng calci huyết, sỏi thận, nhiễm độc vitamin D.
- Bệnh nhân nhạy cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Nếu đang sử dụng Crescell và cần sử dụng một loại thuốc điều trị có kê đơn, cần phải hỏi ý kiến của bác sỹ trước khi tiếp tục dùng song song Crescell với các thuốc này. Nếu có phản ứng phụ xảy ra xin ngừng dùng thuốc và thông báo cho bác sỹ.

Tư vấn bác sĩ về bất kỳ loại thuốc nào sử dụng trong quá trình mang thai, đặc biệt trong ba tháng đầu thai kỳ. Vitamin và khoáng chất chỉ có tác dụng hỗ trợ nếu chế độ dinh dưỡng không đầy đủ. Không sử dụng nếu bị dị ứng với bất kỳ thành phần nào trong sản phẩm. Để xa tầm tay trẻ em.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và đang cho con bú:

Thời kỳ mang thai hoặc sắp có thai: An toàn khi dùng đúng liều khuyến cáo.

Thời kỳ cho con bú: An toàn khi dùng đúng liều khuyến cáo.

Ảnh hưởng của thuốc đến khả năng lái xe, vận hành máy móc:

An toàn khi dùng đúng liều khuyến cáo.

Tương tác, tương kỵ của thuốc:

- Việc bổ sung calci làm giảm hấp thu bisphosphonate (alendronate, etidronate, ibandronate, risedronate & tiludronate). Nên uống bisphosphonate 30 phút trước khi uống calci, tốt nhất nên dùng thuốc vào 2 buổi khác nhau trong ngày.

- Calci làm tăng độc tính của các glycoside digitalis đối với tim vì tăng nồng độ calci huyết sẽ làm tăng tác dụng ức chế Na⁺-K⁺-ATPase của glycoside tim. Nên tham khảo ý kiến của bác sĩ về liều dùng thích hợp của calci cũng như kiểm tra nồng độ calci huyết nếu cần thiết.

- Lượng calci nên được điều chỉnh nếu dùng cùng với digoxin vì có khả năng có ảnh hưởng tới nồng độ calci huyết. Calci làm giảm hấp thu của các kháng sinh nhóm quinolone hoặc tetracycline, nên hỏi ý kiến của bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi dùng.

- Không điều trị đồng thời với cholestyramine hoặc colestipol, phenobarbital hoặc phenytoin, corticosteroid, vì chúng có thể gây cản trở hấp thu vitamin D hoặc làm giảm tác dụng của vitamin D. Điều trị đồng thời vitamin D với thuốc lợi tiểu thiazide ở bệnh nhân thiếu năng tuyến cận giáp có thể làm tăng calci huyết

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR):

Tần số xuất hiện ADR: Rất thường gặp (ADR ≥ 1/10), Thường gặp (1/10 > ADR ≥ 1/100), Ít gặp (1/100 > ADR ≥ 1/1000), Hiếm gặp (1/1000 > ADR ≥ 1/10.000), Rất hiếm gặp (1/10.000 > ADR), Không xác định (Từ các dữ liệu có sẵn không thể xác định)

Có thể bị rối loạn tiêu hóa nhẹ. Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí:

Triệu chứng quá liều: Ở liều rất cao, calcium carbonat có thể tăng calci huyết, gây hội chứng sứa kiềm, suy/hư thận (triệu chứng: Khát nước, hay đi tiểu), vitamin D tăng calci huyết, có thể gây thiếu máu.

Cách xử trí khi dùng quá liều: Nếu gặp bất cứ hiện tượng nào do quá liều nên ngừng dùng thuốc và chờ cho hết những triệu chứng này trước khi sử dụng tiếp thuốc ở đúng liều khuyến cáo. Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

Đặc tính dược lực học:

Nhóm dược lý: Calci, phối hợp vitamin D và/hoặc thuốc khác.

Mã ATC: A12AX

Calci: Khoảng 99% lượng calci của cơ thể được thấy trong chất nền xương. Calci kết hợp với phosphat và các vi khoáng chất khác hình thành hydroxyapatite, tạo cấu trúc xương và cho xương chắc khỏe. Một lượng nhỏ calci được hòa tan trong máu là chất điện giải, cần thiết cho hoạt động chức năng của tim và cơ xương, máu và thần kinh khỏe mạnh.



Colecalciferol (vitamin D3): Vitamin D3 là một vitamin tan trong dầu quan trọng có hoạt tính giống hormone steroid. Nó được chuyển hóa thành các dạng hoạt tính sinh học khác (hydroxyl hóa) tại gan và thận để duy trì lượng calci huyết thanh. Dưới tác dụng kích thích của hormone tuyến cận giáp (PTH) và tác dụng ức chế của calcitonin (CLCT), vitamin D3 điều tiết sự cân bằng calci và phospho, thông qua kiểm soát sự tiết hoặc tái hấp thu ở thận, và kiểm soát sự hấp thu ở ruột. Trong tình trạng mất hoặc thiếu hụt calci, vitamin D3 hydroxyl hóa kích thích giải phóng calci từ khoang xương vào máu.

Đặc tính dược động học:

Calci: Sinh khả dụng đường uống phụ thuộc vào pH đường ruột, sự hiện diện của thức ăn và liều lượng. Calci được phân phối nhanh chóng vào các mô xương sau khi hấp thu và vào dịch ngoại bào. Calci được bài tiết chủ yếu qua phân và cũng được tiết ra bởi các tuyến mồ hôi.

Colecalciferol (vitamin D3): Vitamin D3 được hấp thu dễ dàng từ ruột non nếu sự hấp thu chất béo của cơ thể bình thường. Ngoài ra mật cũng đóng vai trò quan trọng cho sự hấp thu vitamin D3. Vitamin D3 và các chất chuyển hóa của nó được bài tiết chủ yếu qua mật và phân. Thời gian bán hủy khoảng 50 ngày.

Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên (vỉ PVC-PVDC/nhôm)

Điều kiện bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: TCCS

Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: 358 đường Giải Phóng, P.Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội

SX tại: Nhà máy Dược phẩm số 2: Thôn Trung Hậu, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, TP.Hà Nội

Hà Nội, Ngày 28 tháng 10 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Anh

